

Số: 1430 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ và Văn bản 01/CV-MT ngày 01 tháng 06 năm 2023 về việc đề nghị cấp
Giấy phép môi trường và Văn bản số 01/CV-GPMT/2023 ngày 21 tháng 6 năm
2023 của Công ty TNHH Minh Tân về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ
sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất
gạch tại tổ 21, ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
4513../TTr-STNMT ngày 28 tháng 6 năm 2023,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Minh Tân địa chỉ ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất gạch tại tổ 21, ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất gạch.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: tổ 21, ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp: 3900783630 đăng ký lần đầu ngày 16/7/2009 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/02/2021.
- 1.4. Mã số thuế: 3900783630.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
- Tổng diện tích dự án: 30.939,6 m².

- Quy mô, công suất:

+ 02 lò nung Hoffman với công suất là 19.000.000 viên/năm/02 lò.

+ 01 lò nung Tuynel công suất 20.000.000 viên/năm/lò.

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Minh Tân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Minh Tân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

+ 10 năm đối với 01 lò nung gạch Tuynel;

+ Đến 12/2025 đối với 02 lò nung gạch Hoffman (theo quy định tại Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030).

Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường Dự án Nhà máy sản xuất gạch công nghệ Hoffman tại số 509/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND huyện Gò Dầu; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án chuyển đổi công nghệ gạch Hoffman sang Tuynel của UBND huyện Gò Dầu tại số 20/GXN-UBND ngày 17/12/2019; Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 17/04/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất gạch theo công nghệ lò nung Hoffman tại, công suất 19.000.000 viên/năm; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 17/04/2015 hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1430/GPMT-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên khu vực văn phòng và nhà xưởng lưu lượng 4,0 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ở công nhân, lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

Dòng nước thải số 01 bao gồm: nguồn thải số 01 và số 02 thu gom về 02 bể tự hoại 03 ngăn sau đó chuyển giao cho đơn có chức năng thu gom xử lý.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: khu đất trong khuôn viên Nhà máy sản xuất gạch.

2.3. Vị trí xả nước thải:

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,8 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột A, hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/l	60	
3	BOD ₅	mg/l	36	
4	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
5	Amoni	mg/l	6	
6	Tổng Coliform	mg/l	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

Nước thải sinh hoạt của nhân viên tại khu vực văn phòng và nhà ở công nhân phát sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, có 2 bể tự hoại gồm: 01 bể có thể tích 25 m³/bể (kích thước bể 3,6m x 2,8m x 2,5m) và 01 bể có thể tích 3,6 m³/bể (kích thước bể 2,8m x 1,5m x 1,2m); kết cấu vật liệu bê tông cốt thép) để xử lý sơ bộ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn
- Bùn của bể tự hoại 3 ngăn được Công ty hợp đồng chức năng thu gom và xử lý theo định kỳ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *ly*

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14.2.0./GPMT-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Tuynel, nhiên liệu đốt là củi.
- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 1, nhiên liệu đốt là củi.
- Nguồn số 03: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 2, nhiên liệu đốt là củi.
- Nguồn số 04: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói máy phát điện dự phòng công suất 50kVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: ống khói xả thải của lò nung Tuynel, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 588769; Y = 1228637.
- Dòng khí thải số 02: ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 1, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 588759; Y = 1228607.
- Dòng khí thải số 03: ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 2, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 588796; Y = 1228576.
- Dòng khí thải số 04: ống khói từ máy phát điện dự phòng có công suất 50 KVA, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 588861; Y = 1228640

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng khí thải lớn nhất là 18.353 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng khí thải lớn nhất là 18.353 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng khí thải lớn nhất là 18.353 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng khí thải lớn nhất là 597,6 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng

[Chữ ký]

yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$ trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/ND-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	240		
3	SO ₂	mg/Nm ³	600		
4	NO _x	mg/Nm ³	400		
5	CO	mg/Nm ³	1.020		
6	HF	mg/Nm ³	24		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:


- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Tuynel được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 15m.

- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 1 được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 15m.

- Nguồn số 03: bụi, khí thải phát sinh từ ống khói xả thải của lò nung Hoffman số 1 được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 15m.

- Nguồn số 04: khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø 114mm cao 8m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 2mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải lò nung gạch:

- 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò nung gạch tương tự nhau: 

- Quy trình, công nghệ: khí thải → quạt hút → tháp hấp thụ (dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$) → ống khói.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất điện lưới, Công ty tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của Nhà máy.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ ngày đưa hệ thống xử lý khí thải đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải của lò nung Tuynel, nhiên liệu đốt là củi.

- Hệ thống xử lý khí thải của lò nung Hoffman số 1, nhiên liệu đốt là củi.

- Hệ thống xử lý khí thải của lò nung Hoffman số 2, nhiên liệu đốt là củi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò nung Tuynel.

- Một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò nung Hoffman số 1.

- Một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò nung Hoffman số 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT:

Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.


3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.8. Thực hiện phương án hạn chế bụi khi phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy.

3.9. Thực hiện che chắn bãi tập kết tro xỉ, xỉ than.

3.10. Tại mỗi máy nghiền bố trí khu vực riêng, che chắn, thường xuyên phun xịt nước trong quá trình hoạt động công đoạn nghiền để hạn chế bụi phát sinh. 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1430/GPMT-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: phát sinh từ khu vực sản xuất gạch lò nung Tuynel.
- Nguồn số 2: phát sinh từ khu vực sản xuất gạch lò nung Hoffman số 1.
- Nguồn số 3: phát sinh từ khu vực sản xuất gạch lò nung Hoffman số 2.
- Nguồn số 4: phát sinh từ khu vực nghiền than.
- Nguồn số 5: phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 50KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X = 588738; Y = 1228644.
- Nguồn số 02: X = 588762; Y = 1228618.
- Nguồn số 03: X = 588789; Y = 1228591.
- Nguồn số 04: X = 588658; Y = 1228620.
- Nguồn số 05: X = 588863; Y = 1228634.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

- Kiểm tra bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *My/*

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1430../GPMT-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải.	Rắn/lỏng	18,0	06 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10,0	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	15,0	17 02 03
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	3,0	16 01 13
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10,0	18 02 01
Tổng khối lượng			56,0	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT
1	Gạch bể, hư hỏng hay bị khuyết tật được loại bỏ	370,5	06 02 07
2	Tro phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu củi	1.108,8	12 01 10
Tổng khối lượng		1.479,3	

[Handwritten signature]

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	14,6
Tổng khối lượng		14,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: nền kho bê tông chống rò rỉ nhiễm lẩn xuống đất, tường xây bê tông, mái tôn, kho kín, có cửa ra ngoài, có biển báo theo quy định, có các biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau, dán nhãn, biển báo hiệu cảnh báo, mã chất thải, phân loại chất thải, có rãnh thoát nước, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: mái che bằng tôn, vách tường gạch bao quanh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 10 – 240 lít.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG


1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1430/GPMT-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải qua bể tự hoại 3 ngăn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.
3. Các nguyên liệu tro, xỉ than sử dụng phối trộn đất sét phải cam kết chỉ thu gom, sử dụng các loại nguyên liệu đã được kiểm định là chất thải thông thường.
4. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 1,0$; $K_v = 1,2$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
5. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
6. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố bụi, khí thải đảm bảo đúng

theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện chuyển đổi công nghệ nung gạch đúng theo lộ trình quy định tại Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030./././